

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HSST

Ngày: 24/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Ông Dương Minh Ngọc.

2/ Ông Nguyễn Văn Thư.

- **Thư ký phiên tòa** : Bà Phạm Thị Mùi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 20/2022/TL-HSST ngày 24 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Thị Thanh M**, sinh năm: 1989, nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Giới tính: Nữ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Nội trợ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Họ và tên cha: Nguyễn Đăng H, sinh năm: 1955 (đã chết); Họ và tên mẹ: Huỳnh Thị L, sinh năm: 1960; Họ và tên chồng: Huỳnh Kim T, sinh năm: 1986. Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm: 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại**: Bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm: 1991, địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1987.

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985.

+ Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm: 1990.

+ Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Bà Nguyễn Thị Bích T, ông Nguyễn Văn T có mặt. Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 24/6/2021, bị cáo M rủ Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Xuân Đ và Nguyễn Thị Bích T tới nhà bị hại L tại thôn B, xã X, huyện N, Quảng Nam để nói chuyện nhằm giải quyết mâu thuẫn cãi vã trên mạng xã hội. Đại điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Thị Thanh T, còn Nguyễn Thị Thanh M điều khiển xe chở Nguyễn Thị Bích T. Khi tới nơi, Đ đứng ngoài ngã ba Hồng Sơn, cánh nhà L khoảng 100m đợi, còn M, Thanh T, Bích T vào nhà gặp L nói chuyện. Lúc này, L cùng chồng là Nguyễn Văn T đang tắm cho con ở ngoài bồn nước cạnh nhà bếp. Thanh T bước tới nói: “Con L đâu ra đây tao nói chuyện, tại sao xúc phạm mẹ tao” thì L bồng con đi vào nhà tắm. Thấy vậy Nguyễn Văn T nói: “Tụi bây vào làm loạn nhà tao hả” rồi đứng dậy dùng tay bóp cổ và đẩy Thanh T ra ngoài sân. Sau đó, Nguyễn Văn T lấy một đoạn cây khô ném trúng vào vai trái của Thanh T, rồi tiếp tục lấy một cây cuốc chĩa ở góc nhà đi ra. Thanh T và M bỏ chạy tới chuồng trâu nhà Nguyễn Văn T lấy hai đoạn tre khô dài khoảng 2m, đường kính 05cm, Bích T lấy một cây cuốc bàn để tự vệ. Thanh T và Nguyễn Văn T đánh nhau qua lại nhưng không trúng. Nguyễn Văn T bỏ cuốc chĩa xuống sân rồi tiếp tục đi lấy một cây cào cào ra đánh trúng vào khuỷu tay trái của Thanh T làm rách da, chảy máu. Thấy Thanh T bị Nguyễn Văn T đánh, Đ từ ngoài chạy vào sân, tay cầm theo một đoạn cây khô tới đánh rơi cây cào cào trên tay Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T chạy vào nhà lấy một con dao và một cái rựa để đuổi đánh Đ. M và Thanh T mỗi người cầm một đoạn tre theo sau Nguyễn Văn T bước tới hiên nhà thì gặp L. Lúc này, L đang bồng con bằng tay trái, tay phải cầm bình xịt kiến. Thấy M tay cầm theo đoạn tre bước tới cửa, Thanh T theo sau cầm đoạn tre đập trúng quạt điện để dưới nền nhà nên L cầm sẵn bình xịt kiến xịt liên tiếp nhiều cái về phía mặt M để làm M cay mắt. Thấy vậy M dùng hai tay cầm đoạn tre đánh mạnh hai cái theo hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải trúng khuỷu tay phải của L làm rơi bình xịt kiến xuống đất. Bị M đánh, L bồng con bỏ chạy ra sau nhà. Bích T cầm cây cuốc bàn đuổi theo L nhưng không kịp thì gặp Nguyễn Văn T sau khi không đuổi được Đại quay về nên các đối tượng ra xe về nhà Thanh T.

*** Tại bản giám định thương tích số 290/GĐTT.21 ngày 29/7/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận:** Nguyễn Thị Ánh L bị vỡ móm khuỷu xương trụ cẳng tay phải đang được bó bột cố định cánh – cẳng – bàn tay. Tỷ lệ thương tích tại thời điểm giám định là 6%.

Về vật chứng: Cơ quan chức năng đã tổ chức truy tìm vật chứng có liên quan nhưng không có kết quả.

Ngày 18/8/2021, Nguyễn Thị Ánh L có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Tại cáo trạng số 18/CT-VKS-NT ngày 21/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố bị cáo **Nguyễn Thị Thanh M** về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Nguyễn Thị Thanh M** về tội “Cố ý gây thương tích”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, đề xuất mức hình

phạt đối với bị cáo M từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Núi Thành đã tiến hành truy tìm đoạn gỗ tre là vật chứng nhưng không thấy nên không đề cập xử lý.

Về dân sự: Theo hồ sơ, bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 31.896.000 đồng.

Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Thị Ánh L giữ nguyên yêu cầu khởi tố và yêu cầu bồi thường thiệt hại tiền thuốc theo hóa đơn, tiền công thuê người chăm sóc con dưới một tuổi trong hai tháng bố bột, bố thun khuỷu tay, mỗi tháng 4.000.000 đồng; tiền bồi dưỡng hồi phục sức khỏe trong hai tháng 10.000.000 đồng; tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần 10.000.000 đồng. Không yêu cầu bồi thường khoản tiền giám định thương tích.

Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Núi Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: **Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả giám định và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:** Do có mâu thuẫn từ trước với Nguyễn Thị Ánh L nên vào khoảng 11 giờ ngày 24/6/2021, bị cáo Nguyễn Thị Thanh M có hành vi dùng hai tay cầm đoạn tre khô dài khoảng 02m, đường kính 05cm đánh hai cái trúng vào khuỷu tay phải làm vỡ mỏm khuỷu xương trụ cẳng tay phải của L gây thương tích tỷ lệ 06%. Bị hại Nguyễn Thị Ánh L có đơn yêu cầu khởi tố vụ án. Hành vi của bị cáo M đầy đủ yếu tố cấu thành tội “*cố ý gây thương tích*” theo điểm a, khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án: Cá nhân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể được pháp luật bảo vệ. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh M là người đã trưởng thành, bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi xâm phạm thân thể gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng do thiếu kìm chế cảm xúc, không tôn trọng pháp luật nên bị cáo lựa chọn cách tự giải quyết mâu

thuần không phù hợp, phát sinh bạo lực, dẫn đến gây thương tích cho bị hại là bà L. Do đó, cần có mức án phù hợp nhằm giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, do xuất phát từ việc cãi vã qua lại trên mạng xã hội, bị cáo M đến nhà bị hại chỉ có mục đích nói chuyện, phát sinh sự việc gây thương tích là ngoài ý định ban đầu của bị cáo. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc gây thương tích là do bị hại nhìn thấy bị cáo đang cầm đoạn tre khô, cho rằng bị cáo có khả năng sẽ đánh mình nên bị hại có hành vi dùng bình xịt kiến xịt trực tiếp vào mặt của bị cáo dẫn đến việc bị cáo đánh vào khuỷu tay đang cầm bình xịt kiến của bị hại. Như vậy, trong sự việc này, bị hại cũng có một phần lỗi, cần xem xét đánh giá mức độ lỗi của hai bên để áp dụng mức hình phạt phù hợp cho bị cáo.

[4] Xét nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Sau khi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có con còn nhỏ sinh năm 2021, thời điểm hiện tại bé mới 14 tháng tuổi. Trong quá trình điều tra, bị cáo có đề nghị được bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng nhưng bị hại không nhận do không đúng mức bị hại yêu cầu. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục mong muốn bồi thường ngay cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng, bị hại đã nhận số tiền này nên xem như bị cáo đã có hành vi tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt áp dụng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo mà không cần phải chấp hành hình phạt tù; mặc khác bị cáo đang nuôi con nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ, nên áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng án treo cũng đảm bảo mục đích trừng trị, giáo dục bị cáo và thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại L yêu cầu bị cáo M bồi thường các khoản gồm: tiền thuốc theo hóa đơn chứng từ đã nộp tại hồ sơ; tiền công chăm sóc con nhỏ dưới một tuổi trong hai tháng bố bột, bố thun khuỷu tay, mỗi tháng 4.000.000 đồng; tiền bồi dưỡng hồi phục sức khỏe trong hai tháng 10.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu khoản tiền nào khác. Bị cáo thống nhất bồi thường khoản tiền thuốc theo hóa đơn chứng từ đã nộp tại hồ sơ, còn các khoản tiền khác bồi thường theo quy định của pháp luật, vì bị cáo không đủ khả năng bồi thường toàn bộ số tiền như bị hại yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian bị hại bố bột là từ ngày 24/6/2021 đến 16/8/2021 và bắt đầu bố thun thêm 10 ngày là hoàn toàn phù hợp với hóa đơn chứng từ khám bệnh, điều trị tại cơ sở y tế do bị hại cung cấp, nên thời gian xác định bị hại điều trị phục hồi sức khỏe bị thiệt hại do bị cáo gây ra là hai tháng (60 ngày), là cơ sở để xác định thiệt hại.

[6.1] Đối với yêu cầu về tiền thuốc, viện phí: Bà L có khám, chụp phim, bố bột tại trung tâm y tế Tam Kỳ, Bệnh viện Minh Thiện và bệnh viện đa khoa

tỉnh Quảng Nam, tổng chi phí khám, điều trị, tiền thuốc theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ do bà L cung cấp là 1.489.476 đồng có cơ sở chấp nhận.

[6.2] Về tiền công người chăm sóc con nhỏ: trước khi bị thương tích bà L không có việc làm, ở nhà chăm con nên thực tế không có thu nhập. Tuy nhiên sau khi bị thương bà không thể giữ được em bé, cần phải có người chăm sóc con cho bà, nên thực tế xem như thu nhập bà bị mất khi bị thương không thể chăm con là có thật và hợp lý. Về mức tiền công chăm sóc trẻ tại nhà theo đề nghị của bị hại là 4.000.000 đồng/ tháng, trong hai tháng tương đương số tiền phải trả cho người chăm sóc em bé là 8.000.000 đồng là phù hợp thực tế, cần buộc bị cáo phải bồi thường. Đối với tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe trong thời gian hai tháng là khoản tiền thực tế cần có, bà L yêu cầu 10.000.000 đồng/ hai tháng, tuy nhiên mức chi phí hợp lý cần chấp nhận 100.000 đồng/ ngày x 60 ngày = 6.000.000 đồng.

[6.3] Về tổn thất tinh thần: Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần bà L yêu cầu là 10.000.000 đồng nhưng không được bị cáo chấp nhận. Căn cứ trên tỷ lệ thương tích bị cáo gây ra cho bị hại là 6%, thì mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần 4.470.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thực tế.

[6.4] Tổng cộng số tiền cần chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho bà L là 19.959.476 đồng (1.489.476 đồng + 8.000.000 đồng + 6.000.000 đồng + 4.470.000 đồng). Xét bị hại cũng một phần có lỗi trong việc gây thương tích nên phải chịu một phần thiệt hại, phần còn lại bị cáo phải bồi thường cho bị hại: 13.306.317 đồng, là phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại là 5.306.317 đồng.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành về hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Núi Thành đã tổ chức truy tìm vật chứng có liên quan nhưng không có kết quả nên không đề cập xử lý.

[9] Đối với các vấn đề khác:

[9.1] Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Văn Đ cùng Nguyễn Thị Thanh M tới nhà L để nói chuyện, không tham gia xâm hại sức khỏe của L, không đồng phạm với hành vi gây thương tích của M nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Núi Thành không đề cập xử lý là phù hợp.

[9.2] Nguyễn Thị Thanh T có hành vi dùng đoạn tre khô đập hỏng một quạt điện mua năm 2019 với giá 350.000 đồng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, chủ sở hữu là Nguyễn Thị Ánh L và Nguyễn Văn T không có yêu cầu bồi thường, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Núi Thành đã chuyển hồ sơ cho Công an huyện Núi Thành ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của Thanh T là phù hợp.

[9.3] Nguyễn Văn T có hành vi dùng cào cào đánh Nguyễn Thị Thanh T gây rách da, tuy nhiên Nguyễn Thị Thanh T nhận thấy vết thương không đáng

kể, từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý đối với Nguyễn Văn T nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Núi Thành không đề cập xử lý là phù hợp.

[9.4] Nguyễn Thị Ánh L và Nguyễn Thị Thanh M nhắn tin chửi bới nhau qua lại trên mạng xã hội không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự. Về án phí dân sự sơ thẩm: do bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng sau khi đã mở phiên tòa nên bị cáo phải chịu án phí đối với toàn bộ số tiền buộc phải bồi thường theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Thanh M** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Thị Thanh M 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã X, huyện N, tỉnh Quảng Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: **Áp dụng khoản 1 Điều 48 của BLHS; Điều 584, 585, 586, 590, của Bộ luật dân sự; Điều 30 của BLTTHS:** Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh M bồi thường do xâm phạm sức khỏe bà Nguyễn Thị Ánh L số tiền 13.306.317 đồng, bị cáo đã bồi thường tại phiên tòa số tiền 8.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo M phải tiếp tục bồi thường cho bị hại L là 5.306.317 đồng (*năm triệu ba trăm lẻ sáu nghìn ba trăm mười bảy đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Bị cáo M phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*);

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Bị cáo M phải chịu 665.000 đồng (*sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*);

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận;

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Núi Thành;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THA huyện Núi Thành;
- Công an huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa